

Số: 59/2018/QĐST-DS

Hà nội, ngày 19 tháng 9 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**-Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Việt Nga

Ông Nguyễn Việt Cường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:**

Bà Bùi Thị Hạnh – Kiểm sát viên

Căn cứ vào Điều 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 170, 646, 647 của Bộ luật Dân sự 2005; Nghị quyết 58/1998/NQ-UBTVQH10 về giao dịch dân sự về nhà ở được xác lập trước ngày 01/7/1991; Điều 7 khoản 1 Nghị định 70/CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí tòa án kèm theo.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 13/2016/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2016 về việc Tranh chấp đòi nhà cho ở nhờ

**XÉT THẤY**

Theo Đơn khởi kiện ngày 24/7/2001 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trịnh Khắc A và bà Bùi Minh B trình bày:

Nhà đất tại số 54 phố ĐDT, phường HB , HK, Hà Nội là của cụ Phạm Thị Minh C và cụ Bùi Văn D (bố mẹ của bà B) mua đất năm 1941 và xây dựng năm 1943, mang bằng khoán điền thổ 172 khu ĐX, Hà Nội.

Năm 1962 cụ C mất, có chúc thư trao toàn bộ ngôi nhà cho cụ D. Năm 1979 bà B và cụ D đã làm thủ tục sang tên thừa kế ngôi nhà trên tại Sở nhà đất (trước bạ quyền số 5, tờ 165, số 617 ngày 04/11/1980).

Năm 1986, cụ D viết tay giấy xin sang tên toàn bộ ngôi nhà 54 ĐDT cho bà B được thừa hưởng toàn bộ. Các giấy tờ trên đã được Viện khoa học hình sự xác nhận chữ ký và chữ viết đều là của cụ D.

Năm 1954, 1955 cụ C và cụ D cho vợ chồng ông Cao Thành E, bà Phạm Thị F (là bố mẹ của bị đơn) ở nhờ căn buồng tầng 2 có diện tích 33 m<sup>2</sup>. Những năm trước đây, ông E bà F có trả tiền điện, nước cho gia đình bà. Đến năm 1978 thì không trả tiền nữa nhưng gia đình bà vẫn cho ở nhờ. Năm 1976 ông E chết, năm 1987 bà F chết. Ngày 01/01/2000 gia đình bà B đã gửi thông báo về việc đòi nhà cho ở nhờ đối với gia đình ông G và gửi cho Ủy ban nhân dân phường HB . Bà B đã chủ động đề nghị hai gia đình cùng nhau bàn bạc, thỏa thuận, nhưng đến nay gia đình ông G không có thiện chí giải quyết. Nay nguyên đơn yêu cầu ông Cao Thành G, bà Ho Thanh H , bà Ho Thanh I và các con của họ phải trả nhà cho nguyên đơn.

Bị đơn là ông Cao Thành G, bà Ho Thanh H , bà Ho Thanh I do ông Cao Thành G đại diện trình bày:

Nhà đất tại số 54 phố ĐDT , phường HB , HK, Hà Nội do vợ chồng cố Phạm Quang K và cố Vũ Thị L (bố mẹ của cụ Phạm Thị Minh C) mua năm 1938. Đến năm 1941-1943 hai cụ xây dựng cho 02 con là cụ Phạm Thị Minh C và cụ Phạm Quang M ở, nhưng công sức xây dựng nhà chủ yếu là cụ M (vợ là cụ Phạm Thị N). Năm 1943 cụ M chết, cụ N và 2 con gái là bà Phạm Thị F (mẹ bị đơn) và bà Phạm Thị O vẫn ở tại căn nhà trên. Năm 1948, cụ C lấy cụ Bùi Văn D cũng về ở tại ngôi nhà này.

Quá trình sử dụng nhà, cụ C và cụ N đã tự phân chia: Cụ N và các con cháu của cụ ở gian ngoài tầng 1 và gian ngoài tầng 2. Cụ C, cụ D ở tầng 3; còn gian trong tầng 1 và gian trong tầng 2 cho ông P và ông Q thuê để có thêm thu nhập vì cụ D, cụ C không làm gì. Tuy nhiên, gia đình ông G hiện tại chỉ ở 01 phòng, còn lại gia đình bà B đang quản lý, sử dụng. Sau khi cụ N và bà F chết thì các con cháu vẫn sống tại đây.

Nhà đất số 54 phố ĐDT là di sản thừa kế của vợ chồng cố K, cố L để lại cho hai con là cụ M và cụ C. Từ đó đến nay gia đình ông chỉ sử dụng 01 phòng đang ở còn lại bà B, ông A sử dụng cả. Căn phòng gia đình ông đang sử dụng rất chật chội, nếu coi như chia thừa kế thì không đủ, nhưng gia đình ông chưa đặt vấn đề này ra, mà do vợ chồng bà B cố tình đưa ra pháp luật gây khó khăn cho gia đình ông. Mặt khác, ngày 03/6/1978 cụ D đã viết giấy cho mẹ ông (bà F) được sở hữu căn phòng đang có tranh chấp.

Bà Bùi Minh B được cụ C nhận về làm con nuôi năm 1951, khi mới 01-02 tháng tuổi. Nay bà B lại khước từ họ hàng, đuổi gia đình ông để chiếm trọn di sản

của các cụ họ Phạm là không biết đến đạo lý. Gia đình ông không ở nhờ nhà nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vụ án đã được Tòa án các cấp xét xử sơ thẩm, phúc thẩm và giám đốc thẩm. Cụ thể:

1. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/DSST ngày 17/01/2002 của Tòa án nhân dân quận HK, thành phố Hà Nội đã quyết định: Bác đơn yêu cầu đòi nhà cho ở nhờ tại 54 ĐDT, Hà Nội của bà Bùi Minh B, ông Trịnh Khắc Đối với các bị đơn do ông Cao Thành G đại diện.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, bị đơn kháng cáo đề nghị tuyên bị đơn là chủ sở hữu căn buồng 33m<sup>2</sup> tầng 2 nhà 54 ĐDT, Hà Nội.

2. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 38/2006/DSPT ngày 01 và 02/3/2006 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định sửa bản án sơ thẩm:

Chấp nhận yêu cầu đòi nhà cho ở nhờ của bà Bùi Minh B, ông Trịnh Khắc A.

Buộc ông Cao Thành G, bà Ho Thanh H, bà Ho Thanh I và những người có tên trong sổ hộ khẩu đang ở tại 54 ĐDT phải trả lại toàn bộ diện tích đang ở nhờ nói trên và những công trình mà gia đình ông G, bà H, bà I sửa chữa xây dựng vào diện tích ở nhờ tại số nhà 54 ĐDT cho bà Bùi Minh B, ông Trịnh Khắc Để chuyển về ở nhờ nhà của bà B, ông A tại P105 khu tập thể Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, ngõ TH1, quận ĐĐ, Hà Nội.

Bà B, ông A được sở hữu nguyên vật liệu làm thêm của gia đình ông G, bà H, bà I ở nhờ và phải thanh toán giá trị làm thêm cho gia đình ông G, bà H, bà I số tiền 11.830.000đồng. Bà B, ông A phải chịu mọi chi phí di chuyển cho gia đình ông G về nơi ở mới.

Bản án dân sự phúc thẩm số 38/2006/DSPT ngày 01 và 02/3/2006 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã được thi hành án xong. Gia đình bị đơn đã chuyển về ở tại P105 khu tập thể Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, ngõ TH 1, quận ĐĐ, Hà Nội và nguyên đơn đã quản lý, sử dụng căn phòng đang tranh chấp (diện tích 33m<sup>2</sup> tầng 2 nhà 54 phố ĐDT, quận HK, Hà Nội) từ 2008 đến nay.

3. Do bị đơn khiếu nại, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã có Quyết định kháng nghị số 65/2009/KN-DS ngày 26/02/2009 đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 38/2006/DSPT ngày 01 và 02/3/2006 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 177/2009/DS - GĐT ngày 18/5/2009 của Hội đồng Giám đốc thẩm Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định: Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 02/DSST ngày 17/01/2002 của Tòa án nhân dân quận HK, Tòa án

nhân dân quận HK, thành phố Hà Nội và Bản án dân sự phúc thẩm số 38/2006/DSPT ngày 01 và 02/ 3/ 2006 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân quận HK xét xử sơ thẩm lại vụ án.

4. Ngày 09/7/2009 Tòa án nhân dân quận HK thụ lý lại vụ án, sau đó chuyển vụ án lên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết vì có nhân tố nước ngoài.

5. Ngày 03/8/2009 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 53/2012/DS-ST ngày 28/9/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định: Bác đơn yêu cầu đòi nhà cho ở nhờ diện tích 33m<sup>2</sup> tầng 2 tại số nhà 54 phố ĐDT, quận HK, Hà Nội của bà Bùi Minh B, ông Trịnh Khắc Đối với các bị đơn ông Cao Thành G, bà Ho Thanh H , bà Ho Thanh I và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn kháng cáo không chấp nhận quyết định của bản án sơ thẩm, bị đơn kháng cáo đề nghị tuyên buộc nguyên đơn hoàn trả bị đơn căn buồng 33m<sup>2</sup> tầng 2 nhà 54 ĐDT, Hà Nội đã thi hành án xong để bị đơn có cơ sở yêu cầu cơ quan thi hành án theo quy định của pháp luật.

6. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 137/2013/DS-PT ngày 01/8/2013 của Tòa phúc thẩm, Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội đã quyết định: Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 53/2012/DS-ST ngày 28/9/2012 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giao hồ sơ về Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm lại vụ án.

Lý do hủy: Bản án sơ thẩm bác yêu cầu đòi nhà của nguyên đơn nhưng lại không xem xét luôn kết quả Thi hành án buộc nguyên đơn trả lại nhà cho bị đơn và cũng không xem xét đến việc các bị đơn đang sử dụng căn nhà tại P105 khu tập thể Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, ngõ TH1, quận ĐĐ, Hà Nội của nguyên đơn từ năm 2008 là chưa giải quyết triệt để vụ án, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Khi giải quyết lại vụ án Tòa án cấp sơ thẩm cũng không tiến hành định giá tài sản đang tranh chấp, ngoài ra còn có một số sai sót khác ... Tòa án cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được.

7. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2014/DS-ST ngày 24/9/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu đòi nhà cho ở nhờ diện tích 33m<sup>2</sup> tầng 2 tại số nhà 54 phố ĐDT, quận HK, thành phố Hà Nội của bà Bùi Minh B, ông Trịnh Khắc Đối với các bị đơn ông Cao Thành G, bà Ho Thanh H , bà Ho Thanh I và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác.

Buộc bà Bùi Minh B, ông Trịnh Khắc A và những người đang sử dụng phải trả lại ông Cao Thành G, bà Ho Thanh H , bà Ho Thanh I diện tích phòng ở tầng 2

và các diện tích phụ mà gia đình ông G , bà H, bà I đã sử dụng trước khi thi hành án năm 2008 tại số nhà 54 ĐDT, quận HK, thành phố Hà Nội.

Ông Cao Thành G, bà Ho Thanh H , bà Ho Thanh I và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác trả lại bà Bùi Minh B, ông Trịnh Khắc A toàn bộ diện tích phòng 105 khu tập thể Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, ngõ TH1, quận ĐĐ, Hà Nội.

Chi phí cải tạo, sửa chữa nhà tại diện tích tranh chấp tại số nhà 54 ĐDT, quận HK, thành phố Hà Nội và phòng 105 khu tập thể Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, ngõ TH1, quận ĐĐ, Hà Nội nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn kháng cáo không chấp nhận quyết định của bản án sơ thẩm, bị đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại khoản tiền sửa chữa phòng 105 khu tập thể Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, ngõ TH1, quận ĐĐ, Hà Nội.

8. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 29/2015/DS-PT ngày 21/10/2015 của Tòa phúc thẩm, Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội đã quyết định: Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 71/2014/DS-ST ngày 24/9/2014 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giao hồ sơ về Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm lại vụ án.

Lý do hủy: Cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng trong việc giải quyết đơn khiếu nại của nguyên đơn đối với Quyết định giải quyết yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng của Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

9. Ngày 08/3/2016 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý vụ án để giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

Theo công văn số 33/CCTHADS ngày 12/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận HK, thành phố Hà Nội về việc cung cấp thông tin liên quan đến việc thi hành Bản án dân sự phúc thẩm số 38/DSPT ngày 01 và 02/3/2006 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có nội dung:

- Ông Cao Thành G, bà Ho Thanh I và bà Ho Thanh H đã nộp 50.000đồng (Năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai số 4332 ngày 13/12/2006 và 50.000đồng (Năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai số 4342 ngày 30/01/2002 của Chi cục thi hành án dân sự quận HK.

- Ông Trịnh Khắc A đã nộp tiền thanh toán cho gia đình ông G , bà I, bà H số tiền là 11.830.800đồng (*Mười một triệu, tám trăm ba mươi nghìn, tám trăm đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận HK theo Biên lai thu số 1839 ngày 15/12/2006. Chi cục Thi hành án dân sự quận HK đã thông báo cho ông G , bà I, bà

H đến nhận số tiền trên nhưng ông G , bà I, bà H không đến nhận. Chi cục Thi hành án dân sự quận HK đã gửi tiết kiệm theo hợp đồng có kỳ hạn số 13 ngày 09/9/2015 số tiền trên tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Xây dựng Việt Nam chi nhánh Hà Nội.

Quá trình giải quyết lại vụ án theo trình tự sơ thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và lập Biên bản thỏa thuận ngày 11/9/2018.

Tại phiên tòa, các đương sự đều nhất trí với Biên bản thỏa thuận lập ngày 11/9/2018 và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Tại phiên tòa, bà Bùi Minh B và ông Trịnh Khắc A đã thanh toán số tiền 820.000.000 đồng (*Tám trăm hai mươi triệu đồng*) cho ông Cao Thành G và bà Ho Thanh H . Đồng thời, ông Cao Thành G và bà Ho Thanh H đã giao chìa khóa và trả lại căn hộ số P105 khu tập thể Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, ngõ TH1, phường HB, quận ĐĐ, Hà Nội cho bà Bùi Minh B và ông Trịnh Khắc A.

Thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

## QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận thỏa thuận của các đương sự:

**Nguyên đơn:** 1. Bà Bùi Minh B, sinh năm 1951;

2. Ông Trịnh Khắc A, sinh năm 1949;

Địa chỉ : 54 phố ĐDT, phường HB, HK, Hà Nội.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Phạm Thị H - Công ty luật HV, đoàn luật sư thành phố Hà Nội; Trụ sở: 37 LHP, Hà Nội

**Bị đơn:** 1. Ông Cao Thành G, sinh năm 1957;

2. Bà Ho Thanh H, sinh năm 1955;

Địa chỉ : P105 tập thể ủy ban kế hoạch Nhà nước, TH1, phường HB, ĐĐ, Hà Nội.

3. Bà Ho Thanh I, sinh năm 1948 (chết năm 2016)

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà I đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Hoàng Thế X ,sinh năm 1969;

2. Chị Hoàng Thị TV , sinh năm 1976;
3. Anh Hoàng VA, sinh năm 1979;
4. Anh Hoàng VT, sinh năm 1981;
5. Anh Hoàng MG (chết năm 2012).

*Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh MG:* Chị Trần Thị Y, sinh năm 1991 và con là Hoàng MC, sinh năm 2010; Địa chỉ : P105 tập thể ủy ban kế hoạch Nhà nước, TH1, phường HB, ĐĐ, Hà Nội.

6. Anh Hoàng Thế Hiền sinh năm 1969 (chết năm 2015).

*Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Hiền:* Chị Trương Thị TT, sinh năm 1975 và con là cháu Hoàng Thị AN, sinh năm 2004; cháu Hoàng TD, sinh năm 2008; Địa chỉ : Thôn HV, xã ST, huyện LT, tỉnh Quảng Bình.

Cùng ủy quyền cho ông Cao Thành G, sinh năm 1957;

Địa chỉ : P105 tập thể ủy ban kế hoạch Nhà nước, TH1, phường HB, ĐĐ, Hà Nội.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Bùi QT, sinh năm 1938 (chết năm 2015);

*Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông QT:* Bà Vũ Thị Kh, sinh năm 1957; Chị Bùi TL, sinh năm 1980; Chị Bùi KT, sinh năm 1985; Địa chỉ: 64 phố HG, phường ĐX, HK, Hà Nội.

Chị TL, chị KT ủy quyền cho bà Vũ Thị Kh

Chị An Thanh Th, sinh năm 1968; Chị Bùi ThTh, sinh năm 1994; Trú tại: 9 ngõ 24 TQ, phố KhT, ĐĐ, Hà Nội.

2. Chị Trịnh NgA, sinh năm 1977;
3. Anh Trịnh DL, sinh năm 1979;
4. Chị Ngô ThM, sinh năm 1984;

Địa chỉ : 54 phố ĐDT, phường HB , HK, Hà Nội.

**II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

1. Bà Bùi Minh B và ông Trịnh Khắc A được sở hữu, sử dụng đối với căn buồng tầng 2 nhà số 54 phố ĐDT, phường HB, HK, Hà Nội gồm cả diện tích chính

và diện tích phụ (diện tích 33m<sup>2</sup>) trước đây gia đình bà Phạm Thị F, ông Cao Thanh E và các con của bà F ông E sử dụng. Diện tích nhà này đã được Chi cục Thi hành án dân sự quận HK, Hà Nội thi hành án xong vào ngày 16/4/2008.

Bà Bùi Minh B và ông Trịnh Khắc A có trách nhiệm thanh toán cho các con của bà F ông E (trong đó có gia đình ông Cao Thành G, bà Ho Thanh H , bà Ho Thanh Oanh) số tiền 800.000.000đồng (*Tám trăm triệu đồng*).

2. Bà Bùi Minh B và ông Trịnh Khắc A có trách nhiệm thanh toán công sức cải tạo, sửa chữa nhà tại tầng 2 nhà số 54 phố ĐDT cho gia đình ông Cao Thành G, bà Ho Thanh H , bà Ho Thanh I số tiền là 11.830.800đồng (*Mười một triệu, tám trăm ba mươi nghìn, tám trăm đồng*).

3. Gia đình ông Cao Thành G, bà Ho Thanh H , bà Ho Thanh I có trách nhiệm trả lại cho bà Bùi Minh B và ông Trịnh Khắc A căn hộ số P105 khu tập thể Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, ngõ TH1, phường HB, quận ĐĐ, Hà Nội.

Bà Bùi Minh B và ông Trịnh Khắc A có trách nhiệm thanh toán công sức cải tạo, sửa chữa nhà tại căn hộ số P105 khu tập thể Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, ngõ TH1, phường HB, quận ĐĐ, Hà Nội cho gia đình ông Cao Thành G, bà Ho Thanh H , bà Ho Thanh I số tiền là 20.000.000đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

4. Bà B, ông A được sở hữu nguyên vật liệu làm thêm của gia đình ông G , bà H, bà I tại tầng 2 nhà số 54 phố ĐDT và tại căn hộ số P105 khu tập thể Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.

5. Xác nhận bà B, ông A đã thanh toán cho ông G, bà H số tiền 820.000.000đồng (*Tám trăm hai mươi triệu đồng*).

Xác nhận ông Trịnh Khắc A đã nộp số tiền 11.830.800đồng (*Mười một triệu, tám trăm ba mươi nghìn, tám trăm đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận HK theo Biên lai thu số 1839 ngày 15/12/2006. Gia đình ông G , bà H, bà I (do ông G đại diện) có trách nhiệm đến Chi cục Thi hành án dân sự quận HK, Hà Nội để nhận tiền thanh toán công sức cải tạo, sửa chữa nhà tại tầng 2 nhà số 54 phố ĐDT.

Xác nhận gia đình ông G , bà H, bà I đã trả lại cho bà B, ông A căn hộ số P105 khu tập thể Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, ngõ TH1, phường HB, quận ĐĐ, Hà Nội.

#### 6. Về án phí:

Ông Cao Thành G, bà Ho Thanh H, bà Ho Thanh I phải chịu 50.000đồng (Năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận ông G, bà I, bà H đã nộp 50.000đồng (Năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai số 4332 ngày 13/12/2006 của Chi cục thi hành án dân sự quận HK, thành phố Hà Nội.



III. Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 19/9/2018 và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Nơi nhận:*

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS quận HK
- Các đ-ơng sự;
- L-u hồ sơ, VP .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Thị Thu Lan**

*(đã ký)*

**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**





